

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2018
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Chiến** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Anh Doan**
2. Ông **Trần Minh Nhật**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Bùi Văn Trường** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Hữu Đức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 354/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Mai Th**, sinh năm 1984. Cư trú: Tổ 01, ấp Hòa B 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông **Phan Thành Đ**, sinh năm 1986. HKTT: Tổ 01, ấp Hòa B 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Tạm trú tại: ấp Hòa H 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(bà Th có mặt, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Căn cứ đơn khởi kiện, qua thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà **Bùi Thị Mai Th** trình bày: Bà và ông **Phan Thành Đ** không tìm hiểu nhau trước, do mai mối, sau đó được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, giấy kết hôn số 225, cấp ngày 30/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì

phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do đó, cảm thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn. Sau đó, ông Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với ông Phan Thành Đ.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Phan Thị Kim Ng, sinh ngày 15/6/2004, Phan Phi Ph, sinh ngày 18/9/2008, hiện đang chung sống với ông Đ; Phan Khánh Ng, sinh ngày 23/4/2010 và Phan Khánh T, sinh ngày 16/11/2013, hiện đang chung sống với bà Th. Bà Th đồng ý giao con tên Phan Thị Kim Ng, sinh ngày 15/6/2004, Phan Phi Ph, sinh ngày 18/9/2008 cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được. Bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Phan Khánh Ng, sinh ngày 23/4/2010 và Phan Khánh T, sinh ngày 16/11/2013 đến thành niên hoặc tự lập được, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có.

- Bị đơn ông Phan Thành Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của bà Th và ông Đ được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, cha mẹ hai bên đều đồng ý có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Th về xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung có nguyện vọng sống với chị Th 2 cháu nhỏ, 2 cháu lớn sống với anh Đ và cuộc sống cũng ổn định nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản không có tranh chấp nên không cần đặt ra xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phan Thành Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 01, ấp Hòa B 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Tạm trú tại ấp Hòa H 1, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của ông, bà được xác lập năm 2001 do mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và chính thức ly thân từ năm 2015 cho đến nay, thời gian ly thân ông, bà không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp lời trình bày của bà Trần Thị Kim T (mẹ bà Th) và ông Phan Thành Đ (cha ông Đ), nên bà Th yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Cháu Phan Thị Kim Ng, sinh ngày 15/6/2004 và Phan Phi Ph, sinh ngày 18/9/2008, hiện đang chung sống với ông Đ và nguyện vọng của hai cháu muốn chung sống với ông Đ nên tiếp tục giao cho ông Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngân và cháu Phụng đến thành niên và tự lập được. Cháu Phan Khánh Ng, sinh ngày 23/4/2010 và Phan Khánh T, sinh ngày 16/11/2013, hiện đang chung sống với bà Th và nguyện vọng muốn sống với bà Th nên tiếp tục giao cho bà Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng và cháu T đến thành niên và tự lập được. Ông Đ và bà Th không phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Th, ông Đ phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3]Về án phí: Bà Th là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị Mai Th đối với ông Phan Thành Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Mai Th được ly hôn với ông Phan Thành Đ.

- Về quan hệ con chung: Ông Phan Thành Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phan Thị Kim Ng, sinh ngày 15/6/2004 và Phan Phi Ph, sinh ngày 18/9/2008 đến thành niên và tự lập được. Bà Bùi Thị Mai Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phan Khánh Ng, sinh ngày 23/4/2010 và Phan Khánh T, sinh ngày 16/11/2013 đến thành niên và tự lập được. Ông Đ và bà Th không phải cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Mai Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016405 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông Phan Thành Đ không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đ được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Chiến